TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: **18**/2018/HS-PT Ngày: 08/3/2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh và ông Trần Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Nin – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hiển – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai, để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 131/2017/HSPT ngày 26 tháng 12 năm 2017 do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Khắc N, Lê Thị N H đối với bản án số: 89/2017/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T H.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Phạm Khắc N**, sinh năm 1989 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn P, xã, huyện T A, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Phạm Khắc B, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; có vợ Lê Thị N H, sinh năm 1989 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

2. **Lê Thị N H**, sinh năm 1989 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T A, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Lê Văn T, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị A, sinh năm 1968; có chồng Phạm Khắc N, sinh năm 1989 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11/2016, Phạm Khắc N đi đánh bắt cá tại vùng biển tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có quen biết và nhờ Ân (chưa xác định được nhân thân) mua 24 gói cần sa với giá 600.000 đồng để về sử dụng và bán lại cho người khác.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 13/6/2017, Phạm Công D, sinh ngày 09/01/2002 gọi điện thoại hỏi Phạm Khắc N mua 04 gói cần sa với giá 400.000 đồng, N đang đi biển nên gọi điện thoại cho vợ là Lê Thị N H bảo H đem 04 gói cần sa bán cho D. Khoảng 14 giờ 55 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô đến trước quán cà phê Tí Đô thuộc thôn X, xã A P, thành phố TH bán 04 gói cần sa cho Dthì bị bắt quả tang. Qua khám xét khẩn cấp tại nhà của Lê Thị N H còn thu giữ được 11 gói cần sa.

Tại bản kết luận giám định số: 198/GĐ-PC54 ngày 19/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh PY kết luận: Cành, lá, hạt thực vật khô màu xanh trong 15 bì nilon trong suốt hàn kín đã thu giữ có trọng lượng 45,221 gam là cần sa.

Quá trình điều tra xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 4/2017, N 02 lần bán cần sa cho Phan Công D mỗi lần 01 gói với giá 100.000 đồng/gói; 02 lần bán cho Nguyễn Thành Long, sinh năm 1999, trú tại thôn Phú Phong, xã A, huyện T A, tỉnh PY mỗi lần 01 gói cần sa với giá 50.000 đồng/gói.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2017/HSST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T H, đã tuyên các bị cáo Phạm Khắc N, Lê Thị N H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo, thêm điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo N; phạt: Phạm Khắc N 06 (sáu) năm tù; Lê Thị N H 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2017, bị cáo Phạm Khắc N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Lê Thị N H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Khắc N, Lê Thị N H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Phạm Khắc N; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị N H – sửa bản án sơ thẩm; phạt:

Lê Thị N H 03 (ba) năm tù cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời nhận tội của các bị cáo Phạm Khắc N, Lê Thị N H tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 55 phút ngày 13/6/2017, trước quán cà phê Tí Đô thuộc thôn X, xã A P, thành phố T H. Phạm Khắc N, Lê Thị N H đã có hành vi bán cần sa cho Phạm Công Danh, sinh ngày 09/01/2002, khi D chưa đủ 16 tuổi. Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2017 đến tháng 04/2017, Phạm Khắc N còn 02 lần bán cần sa cho Phạm Công Danh, 02 lần bán cần sa cho Nguyễn Thành L. Nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo Phạm Khắc N, Lê Thị N H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo N theo điểm b, e; bị cáoH theo điểm e khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội.

[2] Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc dược của Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an - an toàn xã hội ở địa phương. Bản thân các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc mua bán trái phép chất ma túy sẽ bị xã hội lên án và pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì lợi nhuận bất chính mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, luân thường đạo lý, bán ma túy cho trẻ em; bị cáo N còn nhiều lần mua, bán trái phép chất ma túy trong thời gian dài, reo rắc tai họa cho cộng đồng và xã hội, nên cần xử lý nghiêm, trừng trị thích đáng. Khi lượng hình án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, xem xét nguyên nhân, điều kiện phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà từng bị cáo được hưởng để phạt Phạm Khắc N 06 (sáu) năm tù; Lê Thị N H 03 (ba) năm tù là đúng pháp luật. Do đó, bị cáo Phạm Khắc N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Đối với bị cáo Lê Thị N H, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Khắc N, giúp cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng kết thúc vụ án. Mặt khác, bị cáo với bị cáo Phạm Khắc N là vợ chồng, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiện đang nợ nần rất nhiều do vay tiền để nuôi tôm Hùm nhưng bị cơn bão số 12 gây thiệt hại mất trắng; ngoài ra, bị cáo đang nuôi hai con nhỏ, trong đó con nhỏ nhất, cháu Phạm Minh Thư, sinh ngày 01/10/2015, tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi, bị bệnh viêm phổi phải thường xuyên uống thuốc, điều trị dài ngày được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận và cũng đề nghị xem xét cho một trong hai bị cáo được hưởng án treo. Việc cùng một lúc bắt cả vợ chồng bị

cáo phải chấp hành hình phạt tù trong thời gian dài, sẽ gây ảnh hưởng không tốt đến việc chăm sóc, giáo dục và tâm lý các con của bị cáo. Bản thân bị cáo là phụ nữ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nhất thời phạm tội, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có hai tình tiết tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm; bên cạnh đó bị cáo phạm tội lần đầu và do bị cáo Phạm Khắc N xúi giục, vị trí phạm tội là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể; thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo Lê Thị N H được hưởng chính sách hình sự tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Bị cáo Lê Thị N H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Phạm Khắc N kháng cáo không được chấp nhận phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Khắc N, Lê Thị N H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Khắc N; áp dụng điểm e khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Thị N H;

Không chấp nhận kháng cáo - Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Phạm Khắc N; chấp nhận kháng cáo - Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Lê Thị N H.

Phạt:

- Bị cáo **Phạm Khắc N - 06** (sáu) **năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo **Lê Thị N H – 03** (ba) **năm tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị N H cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T A, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách

nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Khắc N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm;

Bị cáo Lê Thị N H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng
- Lưu án văn; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Nguyên Tùng